

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình năm 2024

Căn cứ Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết, Đề án về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình năm 2024, cụ thể như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình năm 2023 đặt ra 16 mục tiêu, trong đó:

- Số mục tiêu đã hoàn thành: 10/16.
- Số mục tiêu đã thực hiện trên 50%: 04/16.
- Số mục tiêu đã thực hiện dưới 50%: 02/16.

(Có Phụ lục 01 kèm theo)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 25/9/2023 tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh với các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia như:

- Tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên các phương tiện truyền thông và trên môi trường số gồm các trang, cổng thông tin điện tử, trang mạng xã hội; treo băng rôn, khẩu hiệu, tuyên truyền lưu động trên các tuyến đường chính, khu vực trung tâm, tại các cửa hàng điện tử, máy tính, siêu thị điện máy lớn trên địa bàn các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai các hình thức tuyên truyền, treo khẩu hiệu trên các tuyến phố hưởng ứng ngày Chuyển đổi số 10/10.

b) Tồn tại, hạn chế: Các hoạt động chưa phong phú; còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc chuyển đổi số nói chung và Ngày chuyển đổi số quốc gia nói riêng.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Triển khai “Phổ cập kỹ năng số cộng đồng” trên phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng mạng xã hội, chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh. Kết quả từ đến tháng 12/2023 đã phát sóng gần 20 kỳ với tổng cộng 12 video, thu hút được hàng nghìn lượt người xem.

b) Tồn tại, hạn chế:

Chưa thường xuyên đẩy mạnh chia sẻ thông tin để người dân tiếp cận thông tin.

1.3. Truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh <https://chuyendoiso.thaibinh.gov.vn/> cập nhật, chia sẻ 108 tin bài về chuyển đổi số của Chính phủ và của tỉnh.

- Chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh <https://thaibinh.gov.vn/chuyen-trang-chuyen-muc/xay-dung-chinh-quyen-dien-tu> cập nhật 43 tin bài về chuyển đổi số của Chính phủ và của tỉnh.

- Chuyên mục chuyển đổi số trên Báo Thái Bình điện tử thực hiện tuyên truyền 69 tin, bài, ảnh, clip về chuyển đổi số và triển khai thực hiện Đề án 06.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình duy trì chuyên mục “chuyển đổi số” trên cả 2 sóng phát thanh và truyền hình, định kỳ mỗi tuần 01 chuyên mục, phát tối thứ sáu và chiều thứ bảy hàng tuần trên truyền hình, sáng thứ tư và trưa thứ tư trên phát thanh với 08 chuyên mục “Chuyển đổi số”, 31 phóng sự phát thanh và phóng sự truyền hình về chuyển đổi số và công nghệ số, 65 tin về hoạt động của các cấp, các ngành và các địa phương về sử dụng ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thành phố mở chuyên mục “Chuyển đổi số”, tần suất phát sóng 02 chuyên mục/tháng. Nội dung tập trung tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, huyện; hoạt động chuyển đổi số của một số cơ quan, đơn vị; các tấm gương điển hình về chuyển đổi số; ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10.

- Đài truyền thanh các xã, phường, thị trấn: Mở chuyên mục “Chuyển đổi số”, tần suất phát sóng 01 chuyên mục/tháng. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp sóng Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên sóng phát thanh Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình vào Thứ Tư hàng tuần.

- Tiếp tục duy trì chuyên trang “Chuyển đổi số”, cập nhật nội dung chuyển đổi số tại các kênh zalo: “Chính quyền số Thái Bình” và “Công dân số Thái Bình”.

b) Tồn tại, hạn chế: Chưa xác định được số lượng người quan tâm theo địa bàn để phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Bình đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 19/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm

2030; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 17/03/2022 phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 31/05/2022 Thực hiện Nghị quyết, Đề án về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025.

- Năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành, cụ thể hóa 20 văn bản quan trọng về công tác chuyển đổi số: (1) Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Thái Bình năm 2023; (2) Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn đến năm 2025; (3) Về việc phê duyệt xếp hạng chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2022; (4) Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình năm 2023; (5) Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (6) Quyết định giao chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023; (7) Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023 và các năm tiếp theo; (8) Quy định mức thu lệ phí đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc toàn trình trên địa bàn tỉnh Thái Bình; (9) Kế hoạch truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025; (10) Kế hoạch Cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình; (11) Kế hoạch Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; (12) Hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2025; (13) Kế hoạch tổ chức Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; (14) Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Thái Bình; (15) Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; (17) Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số và phát triển báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; (18) Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; (19) Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; (20) Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Thái Bình.

- Tăng cường tập huấn phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh; phổ biến, quán triệt công tác chỉ cho chuyển đổi số cho công chức phụ trách về chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước, chấn chỉnh quản lý chỉ cho chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc ban hành, theo dõi, đôn đốc thực hiện một số kế hoạch còn chưa kịp thời.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

a) Kết quả đạt được:

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2023; định kỳ mỗi quý Ban Chỉ đạo họp một lần để đánh kết quả công tác chuyển đổi số của tỉnh và tập trung chỉ đạo, điều phối các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc Nghị quyết, Đề án về chuyển đổi số của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì.

Tham gia đầy đủ, đúng thành phần 6/6 cuộc họp do Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số tổ chức.

b) Tồn tại, hạn chế:

Công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra chưa thường xuyên.

3. Hạ tầng số

- Các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai đảm bảo 100% khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh được phủ sóng băng rộng (cố định và di động) và cung cấp nhiều gói dịch vụ điện thoại, truy cập Internet tốc độ cao với giá cả phù hợp.

- Hạ tầng số trên địa bàn cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số: Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 75,54%; tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 80%; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 56,1%; tỷ lệ Ủy ban nhân dân cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng đạt 100%.

- Trung tâm dữ liệu của tỉnh tỉnh bước được nâng cấp phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây: 80/100 máy chủ thực hiện triển khai theo công nghệ ảo hóa đạt 80%; từ năm 2023 đã triển khai sao lưu dự phòng trên đám mây.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh đã được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng tại địa chỉ <https://data.thaibinh.gov.vn/> cung cấp dữ liệu trên 12 lĩnh vực (Nông nghiệp, Thanh tra, Giáo dục, Y tế, Văn hóa - Thể thao, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Công an, Giao thông, Nội vụ, Khoa học - Công nghệ, Tư pháp) với trên 150.000 dữ liệu được chia sẻ.

- Hệ thống Cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Thái Bình tại địa chỉ <https://csdl.thaibinh.gov.vn/> cho phép quản lý cơ sở dữ liệu tập trung của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh trên một hệ thống duy nhất. Hệ thống cung cấp các bộ ứng dụng cho nhiều đối tượng khác nhau như người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư và các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.

- Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục ứng dụng và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và tỉnh triển khai, cụ thể: Cơ sở dữ liệu cung lao động, Cơ sở dữ liệu lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Cơ sở dữ liệu liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ, Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công, Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, Cơ sở dữ liệu báo cáo hành chính, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống phần mềm một cửa điện tử,...

- Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý Giáo dục nghề nghiệp (<http://gdnn.thaibinh.gov.vn>) thuộc lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp; phần mềm quản lý hồ sơ người có công thuộc lĩnh vực người có công.

- Triển khai cơ sở dữ liệu dịch vụ công liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí của Cục Bảo trợ xã hội (<https://dvcbtxh.molisa.gov.vn>) và Cục người có công (<https://csdl-nguoiicocong.molisa.gov.vn>) thông qua trực LGSP của tỉnh khi trả kết quả liên thông về Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban quốc gia giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu riêng của ngành nông nghiệp, đồng thời liên tục cập nhật chia sẻ dữ liệu lên các hệ thống.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc cập nhật số liệu của các cơ quan, đơn vị phục vụ cung cấp dữ liệu mở trên cổng dữ liệu mở của tỉnh một số lĩnh vực còn chưa kịp thời theo quy định.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được:

- Tiếp tục triển khai 07 nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh: (1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); (2) Nền tảng dữ liệu mở (Opendata) tỉnh Thái Bình, địa chỉ: data.thaibinh.gov.vn; (3) Nền tảng phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành 03 cấp tỉnh, huyện, xã, địa chỉ: mvp.thaibinh.gov.vn; (4) Nền tảng họp trực tuyến VNPT meeting triển khai 03 cấp; (5) Nền tảng camera giao thông thông minh giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; (6) Nền tảng công dân số Thái Bình được triển khai trên App Store và CHPlay; (7) Nền tảng Sổ tay đảng viên Thái Bình, địa chỉ <https://sotaydangvien.thaibinh.dcs.vn/>, trên App Store và CHPlay. Trong đó 100% (7/7) nền tảng được triển khai tập trung trên Trung tâm dữ liệu.

- Có 03 nền tảng đã ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI): (1) Nền tảng camera giao thông thông minh giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; (2) Nền tảng công dân số Thái Bình; (3) Nền tảng Sổ tay đảng viên Thái Bình.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong triển khai nền tảng số dùng chung tỷ lệ còn thấp; chưa triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

- Tiếp tục duy trì hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn: 100% cấp xã đã thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn (260/260 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã; 1.449/1.797 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn) với 11.661 thành viên; trong đó huy động trên 200 nhân sự của các doanh nghiệp bưu chính viễn thông tham gia.

- Các cơ quan nhà nước trong tỉnh phân công công chức, viên chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số, an toàn thông tin: Toàn tỉnh có 3.393/33.938 công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số đạt 10%; có 1.697/33.938 công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng đạt 5%.

- 100% công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số và Đề án 06 bằng nhiều hình thức khác nhau như: Trực tiếp, hội nghị, qua nền tảng trực tuyến.

- 100% cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- 100% sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số.

- 100% người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, hướng dẫn sử dụng nền tảng số bằng nhiều hình thức khác nhau như: Trực tiếp, qua nền tảng trực tuyến, qua sóng truyền hình, qua youtube, facebook,...

- 100% các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả chưa cao.

7. An toàn, an ninh mạng

a) Kết quả đạt được:

Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng cho các hệ thống phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục được đảm bảo:

- Trung tâm Điều hành, giám sát an toàn thông tin (SOC) tỉnh Thái Bình tiếp tục được duy trì nhằm giám sát đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh, trong năm chưa có sự cố nghiêm trọng xảy ra.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị khai thực hiện kế hoạch thuê dịch vụ đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm dữ liệu của tỉnh.

- Các cơ quan nhà nước các cấp thực hiện rà soát, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin cho 297/297 hệ thống thông tin; 297/297 có phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt đạt 100%; trong đó có 11/11 Hệ thống thông tin cấp độ 3, 286 Hệ thống thông tin cấp độ 1, cấp độ 2.

b) Tồn tại, hạn chế:

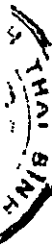
Việc thực hiện rà soát, phân loại và phê duyệt hồ cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan còn chậm.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

Thái Bình cơ bản triển khai đầy đủ các ứng dụng, nền tảng phục vụ chính quyền số: Cổng thông tin điện tử, Cổng dữ liệu mở của tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo, Trung tâm điều hành thông minh (IOC)...

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh <https://thai Binh.gov.vn/> đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6 cơ bản đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.



- Cổng dữ liệu mở của tỉnh đã triển khai đưa vào hoạt động từ năm 2022 tại địa chỉ <https://data.thaibinh.gov.vn/> cung cấp dữ liệu trên 12 lĩnh vực (Nông nghiệp, Thanh tra, Giáo dục, Y tế, Văn hóa - Thể thao, Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Công an, Giao thông, Nội vụ, Khoa học - Công nghệ, Tư pháp) với trên 150.000 dữ liệu được chia sẻ.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh <https://dichvucong.thaibinh.gov.vn/> đã đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định (Hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6).

- Ngoài Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến đã triển khai các kênh Zalo OA “Công dân số Thái Bình”, “Chính quyền số Thái Bình”, “Thái Bình đồng hành cùng doanh nghiệp”, ứng dụng “Công dân số Thái Bình” để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến, phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

- Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đạt 100%.

- Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh: Theo rà soát của Cục Chuyển đổi số quốc gia có 8/15 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đạt 53,33%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình: 1030/1030 đạt 100%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được điền sẵn thông tin: 1.030/1.685 đạt 61,1%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến: đạt 73,5%.

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến: 167.223/23.1038 đạt 72,4%.

- Số lượng tài khoản người dân, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công trực tuyến là: 111.851 tài khoản.

- Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước từ tháng 12/2024.

- Tiếp tục triển khai nền tảng hợp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị và đến từng thiết bị cá nhân: Hội nghị truyền hình được triển khai đến cấp xã (260 xã).

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc bố trí ngân sách nhà nước cho chính quyền số của các cơ quan còn thấp, chưa đạt yêu cầu là 10% tổng chi ngân sách nhà nước.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

- Cục Thuế tỉnh đã phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, đạt 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn.

- Các sàn thương mại điện tử: Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh có 254 gian hàng với 2.068 sản phẩm được trưng bày; Postmart có 38 sản phẩm với 18 sản phẩm OCOP với 7 chủ thể OCOP; Vò sò có 178 sản phẩm với 16 sản phẩm OCOP với 10 chủ thể OCOP gồm 142 hộ tham gia.

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP: Ước đạt 5%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx: 5.100/9.581 đạt 53,23%; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số: 2.968/9.581 đạt 30,98%.

- Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định: 218/280 đạt 78%.

b) Hạn chế:

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP còn thấp so với yêu cầu đặt ra.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số và tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử còn thấp.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử: 1.650.380/1.650.380 đạt 100%.

- Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác: 1.095.000/1.645.260 đạt 74,7%.

- Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân: 15.385/1.465.260 đạt 1,05%.

- Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình): 62.439/612.756 đạt 10,2%.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 75,54%.

- Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền: Đã triển khai trên Cổng dịch vụ công (<https://dichvucong.thaibinh.gov.vn/dichvucong/khaosat>), ứng dụng công dân số, kênh công dân số Thái Bình trên Zalo.

b) Hạn chế:

Việc đánh giá mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền chưa thường xuyên, số liệu phản ánh chưa đầy đủ.

11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền số, chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2023: 75.428 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển (Trung ương; địa phương): 4.661 triệu đồng.

- Nguồn vốn sự nghiệp (Trung ương, địa phương): 70.767 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.
- Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX.
- Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.
- Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020 định hướng đến 2025 của tỉnh Thái Bình.
- Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 3561/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thái Bình, phiên bản 1.0.

- Quyết định số 3562/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình, phiên bản 2.0.

- Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020- 2025".

- Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết, đề án về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025;

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thái Bình.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp

- Phấn đấu 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 hoặc toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động (theo danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thực hiện tại tỉnh Thái Bình được phê duyệt tại Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Phấn đấu 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tỷ lệ văn bản điện tử có chứng thực số và ký số đạt 97% trở lên, tỷ lệ văn bản có đầy đủ chữ ký số của cơ quan và cá nhân lãnh đạo đạt 50% trở lên.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Phấn đấu 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- 100% các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước.

- 80% dữ liệu mở được cung cấp theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Phấn đấu 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tiếp tục tập trung thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 28/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu

dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

2. Kinh tế số

Tập trung vào các nhiệm vụ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số như sau:

- Phấn đấu 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) sử dụng nền tảng số.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số, đẩy nhanh quá trình đưa các sản phẩm thế mạnh, đặc trưng của tỉnh lên các sàn thương mại điện tử.

- Phấn đấu kinh tế số chiếm 6 - 8% GRDP.

- Phấn đấu từ 50% doanh nghiệp trở lên áp dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh.

3. Xã hội số

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 60% hộ gia đình.

- Hoàn thành phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- 70% tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.

- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số.

- Phấn đấu tỉnh Thái Bình thuộc nhóm 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về chuyển đổi số.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Xây dựng Kế hoạch và triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, huyện, thành phố chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trong tỉnh để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng, như: mô hình ngày Chủ nhật số,

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, học tập, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số được đăng tải tại các trang thông tin Chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cẩm nang Chuyển đổi số: <https://dx.mic.gov.vn>; Bài học Chuyển đổi số: <https://t63.mic.gov.vn>; Bài toán Chuyển đổi số: <https://c63.mic.gov.vn>)

1.3. Truyền thông về chuyển đổi số

Triển khai thiết lập các kênh truyền thông (Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Báo Thái Bình, đài phát thanh, đài truyền hình, hệ thống truyền thông cơ sở; mạng xã hội và các phương tiện truyền thông công cộng khác); phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công. Đây là việc làm mang tính thường xuyên, liên tục.

2. Thể chế số

- Nghiên cứu, ban hành 4 chính sách: (1) Chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (2) Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; (3) Chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa; (4) Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số. Thời hạn hoàn thành: 30/3/2024.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử và gửi kết quả về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp. Thời hạn hoàn thành: 30/5/2024.

- Định kỳ sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết chuyên đề của cấp ủy, kế hoạch hành động của cấp chính quyền, gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 30/11/2024.

3. Hạ tầng số

- Nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng trên địa bàn tỉnh. Tăng nhanh tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng.

- Chuyển đổi toàn bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức internet thế hệ mới (Ipv6).

- Nâng cao chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tiếp tục triển khai, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

- Khai thác có hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Duy trì hiệu quả hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã đảm bảo chất lượng, hiệu quả để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh, đặc biệt phục vụ các cuộc họp tổ chức từ Trung ương trực tuyến đến các xã.

- Tiếp tục rà soát, cấp chứng thư số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ cho cán bộ, công chức và các cơ quan, đơn vị nhà nước.

4. Dữ liệu số

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

- Triển khai sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc rà soát, đánh giá, bảo đảm trung tâm dữ liệu và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây phục vụ chính quyền số. Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp.

- Xây dựng, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; Mở dữ liệu, tạo dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

5. Nền tảng số

- Lựa chọn các nền tảng số quốc gia, các nền tảng số phục vụ người dân để ưu tiên thúc đẩy trên địa bàn tỉnh, sử dụng lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân sử dụng.

- Tiếp tục rà soát, nâng cấp, cập nhật tính năng mới, tuyên truyền tới các tổ chức và người dân, việc tăng cường sử dụng các nền tảng số đã được triển khai.

6. Nhân lực số

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số, trong đó ưu tiên hình thức bồi dưỡng trực tuyến qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để cán bộ, công chức, viên chức có thể truy cập và học mọi lúc, mọi nơi, không làm gián đoạn thực hiện công việc hàng ngày.

- Cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn trực tiếp, trực tuyến do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức nhằm nâng cao kỹ năng chuyển đổi số

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Tiếp tục thực hiện phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin phù hợp với quy định.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7.4. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, bảo đảm tối thiểu đơn vị chuyên trách an toàn thông tin mạng có tối thiểu 01 chuyên gia về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố; các sở, ban, ngành, địa phương có từ 01 cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin được tập huấn về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2024.

- Duy trì có hiệu quả trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

8. Chính quyền số

- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng. Đảm bảo kết nối tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã phục vụ chính quyền số.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc kết nối, trao đổi dữ liệu và mở dữ liệu; tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn chuyên ngành của từng ngành, địa phương;

- Tiếp tục triển khai công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, tổ chức trong tỉnh.

- Tiếp tục phát triển và khai thác hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Tập trung nguồn lực triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống Mạng văn phòng điện tử liên thông, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử, Sổ tay Đảng viên điện tử.

9. Kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trải nghiệm, sử dụng các nền tảng số.

- Tiếp tục triển khai việc sử dụng hóa đơn điện tử và thuế điện tử tới toàn thể doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tổ chức đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

10. Xã hội số

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho mọi người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

- Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trong tỉnh theo hướng dẫn tại Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 22/09/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân;...

- Tăng cường tuyên truyền về chuyển đổi số trong cộng đồng dân cư, nòng cốt là các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố đồng thời phát huy vai trò tiên phong của lực lượng đoàn thanh niên trong việc tuyên truyền và hỗ trợ người dân trong sử dụng các nền tảng số.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Huy động sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác các hệ thống công nghệ thông tin, các nền tảng và cơ sở dữ liệu phục vụ việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm Chính quyền điện tử.

- Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trong mọi lĩnh vực.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức các cấp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tổ chức các đoàn công tác thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số trong tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước năm 2024. Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này và các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực

sở, ngành, đơn vị, địa phương quản lý; hoàn thành trước ngày 10/01/2024 và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, tổng hợp.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm tiến độ, chất lượng và theo đúng quy định hiện hành.

- Định kỳ hằng quý, năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định. Trong quá trình thực hiện, phát sinh nhiệm vụ khác theo yêu cầu ngoài Kế hoạch, cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chuyển đổi số và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cân đối phân bổ nguồn vốn để thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (PCI).

4. Sở Tài chính

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

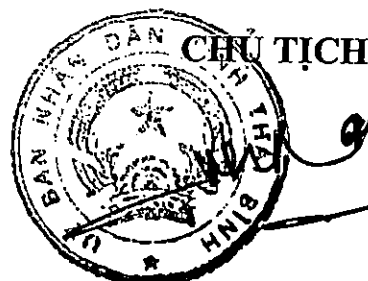
VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN

(Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo)

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, chỉ đạo theo quy định./. *Giang*

Nơi nhận:

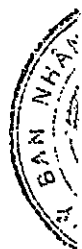
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Thành viên BCE về CDS tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. *2*



Nguyễn Khắc Thận

Phụ lục 01
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẠT RA NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mục tiêu	Kết quả	Ghi chú
	Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp		
1	Phấn đấu 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 hoặc toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động (theo danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thực hiện tại tỉnh Thái Bình được phê duyệt tại Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).	100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 hoặc toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. (theo danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thực hiện tại tỉnh Thái Bình được phê duyệt tại Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	Hoàn thành
2	Phấn đấu 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Hoàn thành
3	Tỷ lệ văn bản điện tử có chứng thực số và ký số đạt 97% trở lên, tỷ lệ văn bản có đầy đủ chữ ký số của cơ quan và cá nhân lãnh đạo đạt 50% trở lên	Tỷ lệ văn bản điện tử có chứng thực số và ký số đạt 99,6%, tỷ lệ văn bản có đầy đủ chữ ký số của cơ quan và cá nhân lãnh đạo đạt 82,2%	Hoàn thành
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp xã từ ngày 01/6/2023)	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 92,56%	Đạt trên 90% mục tiêu
5	Phấn đấu 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo điều hành của chính quyền	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo điều hành của	Hoàn thành



STT	Mục tiêu	Kết quả	Ghi chú
	các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.	chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.	
6	100% các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước	100% các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước	Hoàn thành
7	Thực hiện cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; năm 2023 đạt 60% theo danh mục đã phê duyệt tại Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	Thực hiện cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; đến năm 2023 đã cung cấp 60/90 đạt 60% theo danh mục đã phê duyệt tại Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	Hoàn thành
8	30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin	10% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin	Đạt 30% mục tiêu
	Kinh tế số		
9	Phần đầu 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) sử dụng nền tảng số	Có trên 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) sử dụng nền tảng số	Hoàn thành
10	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số, đẩy nhanh quá trình đưa các sản phẩm thế mạnh, đặc trưng của tỉnh lên các sàn thương mại điện tử	Tổ chức triển khai Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 26/11/2021, Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đạt 50% mục tiêu
11	Phần đầu kinh tế số chiếm 20% GRDP	Dự kiến Kinh tế số chiếm 5% GRDP	Đạt 25% mục tiêu
12	Phần đầu từ 50% doanh nghiệp trở lên áp dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh	Có trên 50% doanh nghiệp trở lên áp dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh	Hoàn thành
	Xã hội số		
13	Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 75% hộ gia đình	Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 54,4% hộ gia đình	Đạt trên 50% mục tiêu

STT	Mục tiêu	Kết quả	Ghi chú
14	Hoàn thành phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh	Hoàn thành 78% phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh	Đạt 78% mục tiêu
15	30% tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	70% tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	Hoàn thành
16	100% Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số	100% Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số	Hoàn thành

Phụ lục 02
DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số 167 /KH-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
I	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh		66.757	4.471	62.286	0	
1	Sở Xây dựng						
	Vận hành hệ thống mạng nội bộ LAN	Kết nối mạng, duy trì hoạt động của hệ thống mạng nội bộ cơ quan	46		46		
	Thuê hội nghị truyền hình	Phục vụ công tác họp trực tuyến	1		1		
	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS	Phục vụ công tác quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Bình	4.471	4.471			
2	Sở Tư pháp		0				
	Số hóa sổ dữ liệu hộ tịch	Số hóa dữ liệu hộ tịch	1.000		1.000		
	Xây dựng Cơ sở dữ liệu về công chứng tỉnh Thái Bình	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng	1.000		1.000		
	Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin	Bảo trì, nâng cấp hệ thống thông tin	80		80		
	Duy trì trang phổ biến pháp luật		70		70		
	Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp	Đăng tải tin tức sự kiện ngành tư pháp, giới thiệu văn bản chính sách mới	60		60		
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		0		0		
	Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số	Bảo dưỡng, duy trì hệ thống mạng tại cơ quan; thay thế thiết bị máy tính cũ, đảm bảo vận hành phục vụ công tác chuyên môn	150		150		

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
	Thiết kế lại Trang thông tin điện tử của Sở, duy trì hoạt động của trang thông tin điện tử của Sở; số hóa dữ liệu ngành	Trang trí, thiết kế lại, phân các đầu mục rõ ràng, tăng lượng tương tác, theo dõi, bảo trì duy tu Trang thông tin điện tử đảm bảo cung cấp thông tin nhanh, chính xác đến người đọc. Số hóa dữ liệu ngành.	5.000		5.000		
	Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	Nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số cho Công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan đơn vị của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	200		200		
4	Sở Y tế		0				
	Khảo sát, đánh giá hiện trạng hạ tầng, năng lực công nghệ thông tin của ngành y tế		150		150		
	Cải tạo phòng chức năng thành trung tâm tiếp nhận, quản lý, điều hành các nền tảng số y tế tại Sở Y tế Thái Bình		1.600		1.600		
	Đầu tư mua sắm hạ tầng, phần mềm, tường lửa đảm bảo bước đầu hình thành kho dữ liệu tập trung về khám chữa bệnh, tạo cơ sở dữ liệu lõi cho các nền tảng số y tế của tỉnh và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho nguồn dữ liệu của người dân		2.000		2.000		
	Hoàn thành việc xây dựng kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử tại tỉnh		3.000		3.000		
	<i>Kinh phí thuê phần mềm tiếp nhận và lưu trữ dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử</i>		2.000		2.000		

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
	<i>Kinh phí chi cho hoạt động đào tạo, tập huấn triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử</i>		1.000		1.000		
	Truyền thông thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số y tế		800		800		
	Kinh phí thuê phần mềm quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn để đảm bảo nâng cấp nền tảng trạm y tế xã và nền tảng quản lý tiêm chủng kết nối ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử và kho dữ liệu quốc gia về y tế		2.000		2.000		
	Kinh phí mua sắm bổ sung bộ máy tính tại các Trạm Y tế (chưa được thụ hưởng dự án HPET và 08 Trung tâm Y tế huyện, thành phố)		2.550		2.550		
	Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Khám, chữa bệnh từ xa” trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021 - 2025”		7.500		7.500		
	Hoạt động kiểm tra, giám sát, hỗ trợ đơn vị		299		299		
5	Sở Thông tin và Truyền thông		0				
	Thuê đường truyền IPV6		369		369		
	Thuê thiết bị, kênh truyền, dịch vụ vận hành triển khai hệ thống Camera thông minh thực hiện giám sát giao thông, an ninh của thành phố Thái Bình và tại 5 cửa ngõ của tỉnh giai đoạn 2020-2025		6.243		6.243		
	Thuê Hệ thống hội nghị truyền hình		998		998		
	Thuê Công dịch vụ công		1.122		1.122		
	Hệ thống báo cáo		1.020		1.020		
	Thuê cam quốc lộ 10 và 39		309		309		

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
	Mở rộng kế hoạch thuê dịch vụ công		500		500		
	Thuê hội nghị truyền hình giai đoạn 2023-2028		800		800		
	Bản quyền SSL		250		250		
	Phòng họp không giấy tờ		1.500		1.500		
	Bản quyền tường lửa		580		580		
	Xây dựng phần mềm quản lý tác nghiệp của phóng viên		200		200		
	Các nhiệm vụ khác thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh		4.673		4.673		
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		0				
	Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử	Kinh phí hoạt động Cổng thông tin điện tử	60		60		
	An toàn thông tin mạng	Trang bị phần mềm diệt virus bản quyền	15		15		
	Mua, sửa chữa trang thiết bị công nghệ thông tin	Mua, sửa chữa trang thiết bị công nghệ thông tin	300		300		
7	Sở Công Thương		0				
	Trang thông tin điện tử Sở Công Thương	Đưa tin bài liên quan đến hoạt động của Sở Công Thương	50		50		
	Thương mại điện tử	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động sản xuất, kinh doanh	732		732	145	Kinh tế số
	Vận hành hệ thống mạng nội bộ tại cơ quan	- Kinh phí thuê bao đường truyền Internet, mạng truyền số liệu - Kinh phí bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng LAN - Kinh phí thuê dịch vụ hợp trực tuyến	65		65		Hạ tầng số (nội bộ Sở Công Thương)
8	Công an tỉnh						
	Kinh phí thực hiện Đề án 06 năm 2023	Kinh phí thực hiện Đề án 06 năm 2023	11.994		11.994		Xã hội số

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
II	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố		8.671	190	8.481		
1	UBND huyện Thái Thụy						
	Triển khai phòng họp không giấy	Họp không giấy	960		960		Chính quyền số
2	UBND huyện Kiến Xương						
	Tuyên truyền về Chuyển đổi số	Nâng cao kiến thức và sự quan tâm người dân về chuyển đổi số	100		100		Xã hội số
	Hội nghị tập huấn công tác chuyển đổi số cho tổ công nghệ số cộng đồng		50		50		
	Hội nghị họp để triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số các quý	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số các quý và triển khai phương hướng chuyển đổi số quý sau	40		40		
	Quản lý, duy trì, đảm bảo sự thông suốt hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước	Đảm bảo thông suốt hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động điều hành quản lý trong cơ quan nhà nước	40	40			
	Hiện đại hóa thông tin điều hành, quản lý các cơ quan chính quyền huyện với các xã, thị trấn	Đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử, phục vụ người dân và doanh nghiệp	150	150			
	Bổ sung và thay thế trang thiết bị để xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện, xã	Đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động điều hành quản lý trong các cơ quan nhà nước	100		100		
	Nâng cấp Trang tin điện tử huyện	Đảm bảo các chức năng của Trang tin điện tử	30		30		

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
3	UBND huyện Tiền Hải						
	Truyền thông về dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện các thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện, xã năm 2023	Đẩy mạnh chuyển đổi số 2023	320		320		
	Hội nghị tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức viên chức cấp huyện, cấp xã	Đẩy mạnh chuyển đổi số 2023	50		50		
	Tuyên truyền ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện Tiền Hải	Đẩy mạnh chuyển đổi số 2023	100		100		
	Nâng cấp máy tính, máy in		320		320		
	Trang bị cơ sở vật chất cho Công thông tin điện tử cấp xã		320		320		
4	UBND thành phố Thái Bình						
	Đầu tư lắp đặt mạng lưới vị trí Camera giám sát an ninh trên địa bàn thành phố Thái Bình	góp phần xây dựng nền tảng đô thị thông minh, hỗ trợ công tác quản lý xã hội trên các lĩnh vực	5.020		5.020		
5	UBND huyện Đông Hưng						
	Truyền thông về chuyển đổi số	Đẩy mạnh Chuyển đổi số của huyện 2023	20		20		
	Tổ chức tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức viên chức cấp huyện cấp xã	Đẩy mạnh Chuyển đổi số của huyện 2024	20		20		
	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện Đông Hưng		10		10		
	Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin		100		100		
	Hoạt động Công thông tin điện tử huyện		35		35		

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
6	UBND huyện Quỳnh Phụ						
	Truyền thông về dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện các thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện, xã năm 2022	Đẩy mạnh Chuyển đổi số của huyện 2022	275		275		
	Hội nghị tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức viên chức cấp huyện cấp xã	Đẩy mạnh Chuyển đổi số của huyện 2023	45		45		
	Tuyên truyền ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ	Đẩy mạnh Chuyển đổi số của huyện 2024	96		96		
	Nâng cấp hệ thống máy tính, máy in		150		150		
	Hoạt động Công thông tin điện tử huyện		90		90		
7	UBND huyện Vũ Thư						
	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của huyện như: máy tính, máy in, hệ thống mạng LAN, hệ thống camera, Internet	Đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin	150		150		
	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức	Đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin	80		80		
Tổng cộng:			75.428	4.661	70.767		

Phụ lục 03
DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NĂM 2024
 (Kèm theo Kế hoạch số 167 /KH-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023
 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
1	Sở Tư pháp						
	Số hóa sổ dữ liệu hộ tịch	Số hóa dữ liệu hộ tịch	1.000		1.000		
	Xây dựng Cơ sở dữ liệu về công chứng tỉnh Thái Bình	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng	1.000		1.000		
	Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin	Bảo trì, nâng cấp hệ thống thông tin	80		80		
	Duy trì trang phổ biến pháp luật		70		70		
	Duy trì hoạt động Công thông tin điện tử Sở Tư pháp	Đăng tải tin tức sự kiện ngành tư pháp, giới thiệu văn bản chính sách mới	60		60		
	Xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính tỉnh Thái Bình	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý xử phạt vi phạm hành chính	1.000		1.000		
2	Sở Thông tin và Truyền thông						
	Thuê đường truyền IPV6		369		369		
	Thuê thiết bị, kênh truyền, dịch vụ vận hành triển khai hệ thống Camera thông minh thực hiện giám sát giao thông, an ninh của thành phố Thái Bình và tại 5 cửa ngõ của tỉnh giai đoạn 2020-2025		6.243		6.243		
	Thuê Hệ thống hội nghị truyền hình		819		819		
	Thuê Công dịch vụ công		1.622		1.622		
	Hệ thống báo cáo		1.020		1.020		

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn			Ghi chú
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn xã hội hóa	
	Thuê camera giám sát quốc lộ 10 và 39		2.383		2.383		
	Thuê hội nghị truyền hình giai đoạn 2023-2028		800		800		
	Bản quyền SSL		250		250		
	Phòng họp không giấy tờ		1.340		1.340		
	Bản quyền tường lửa		580		580		
	Các nhiệm vụ khác thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh		2.000		2.000		
3	Sở Công Thương						
	Trang thông tin điện tử Sở Công Thương	Đưa tin bài liên quan đến hoạt động của Sở Công Thương	50		50		
	Thương mại điện tử	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động sản xuất, kinh doanh	605		550	55	Kinh tế số
	Vận hành hệ thống mạng nội bộ tại cơ quan	- Kinh phí thuê bao đường truyền Internet, mạng truyền số liệu	65		65		Hạ tầng số (nội bộ Sở Công Thương)
- Kinh phí bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng LAN							
- Kinh phí thuê dịch vụ họp trực tuyến							
Tổng cộng:			21.356	0	21.301		



**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THUỘC ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ,
ĐÔ THỊ THÔNG MINH**

1. Nhiệm vụ chuyển đổi số

STT	Mã nhiệm vụ/ Mã hành động	Nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	CQS1	Triển khai thí điểm ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số	Xã/phường được chọn triển khai thí điểm	Đơn vị liên quan
	CQS1.1	Đánh giá kết quả thí điểm quy mô nhỏ	Xã/phường được chọn triển khai thí điểm	Đơn vị liên quan
6	CQS6	Quản lý cơ sở dữ liệu Tài nguyên môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan
	CQS6.1	Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan
7	CQS7	Số hóa tài liệu hồ sơ lưu trữ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	CQS7.1	Số hóa tài liệu tại Kho Lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Bình	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
8	KTS1	Chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	KTS1.1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

STT	Mã nhiệm vụ/ Mã hành động	Nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
9	KTS2	Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các khu công nghiệp	Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp	Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, ...
	KTS2.1	Hỗ trợ chủ đầu tư Khu CNTT	Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp	Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị có liên quan
10	KTS3	Xây dựng phổ cập thanh toán điện tử	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Bình	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	KTS3.1	Xây dựng kế hoạch thúc đẩy thanh toán điện tử	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Bình	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
11	KTS4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan
	KTS4.1	Số hóa dữ liệu ngành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan
12	KTS5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	KTS5.1	Phát triển thông tin quảng bá du lịch tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

STT	Mã nhiệm vụ/ Mã hành động	Nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	KTS5.2	Số hóa tư liệu hiện vật trưng bày tại Bảo tàng Thái Bình	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
13	KTS6	Thúc đẩy giải pháp số cho các doanh nghiệp trong tỉnh, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành có liên quan
	KTS6.1	Cung cấp, hỗ trợ giải pháp số cho doanh nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	KTS6.2	Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
14	KTS7	Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành có liên quan
	KTS7.1	Tuyên truyền và cập nhật xu hướng mô hình kinh doanh số mới	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	KTS7.2	Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình kinh doanh	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
15	KTS8	Nhiệm vụ phát triển kinh tế số tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ		
	KTS8.1	Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
17	XHS2	Đào tạo và ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục đối với cấp phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

STT	Mã nhiệm vụ/ Mã hành động	Nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	XHS2.1	Giới thiệu và đào tạo các kỹ năng cần thiết trong môi trường số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	XHS2.2	Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
18	XHS3	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	XHS3.1	Triển khai đẩy mạnh ứng dụng số tại các đơn vị đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
19	XHS4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế	Sở Y tế	Bệnh Viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	XHS4.1	Nâng cấp hạ tầng và xây dựng nền tảng số trong y tế	Sở Y tế	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
20	XHS5	Xây dựng môi trường số an toàn và tin cậy cho cộng đồng	Công an tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	XHS5.1	Cung cấp thông tin và kiến thức về an toàn trên môi trường số	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
	XHS5.2	Xây dựng cơ chế chính sách an toàn số cho cộng đồng	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
21	XHS6	Nhiệm vụ phát triển xã hội số tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ		

STT	Mã nhiệm vụ/ Mã hành động	Nội dung nhiệm vụ, nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	XHS6.1	<i>Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số trên địa bàn tỉnh</i>	<i>Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh</i>	<i>Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố</i>

2. Nhiệm vụ xây dựng Đô thị thông minh

TT	Mã nhiệm vụ/ Mã hành động	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6	ĐTTM6	Xây dựng dịch vụ giáo dục thông minh tỉnh Thái Bình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
7	ĐTTM7	Xây dựng dịch vụ Y tế thông minh tỉnh Thái Bình	Sở Y tế	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
8	ĐTTM8	Xây dựng dịch vụ giám sát Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
9	ĐTTM9	Xây dựng hệ thống nông nghiệp thông minh tỉnh Thái Bình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
10	ĐTTM10	Xây dựng dịch vụ cảnh báo đô thị thông minh	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Các đơn vị có liên quan
11	ĐTTM11	Xây dựng dịch vụ giám sát quảng cáo điện tử	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
12	ĐTTM12	Xây dựng dịch vụ du lịch thông minh tỉnh Thái Bình	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
13	ĐTTM13	Xây dựng dịch vụ giám sát cảnh báo cháy, cảnh báo cướp	Công an tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
15	ĐTTM15	Triển khai hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống phòng họp không giấy tờ	Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông